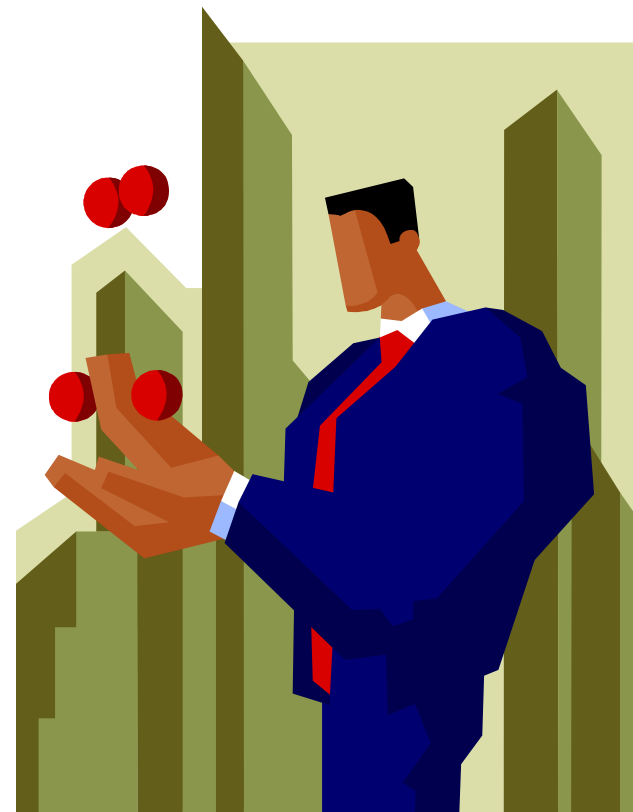


Chương
03

HỆ THỐNG KẾ TOÁN CHI PHÍ THEO CÔNG VIỆC VÀ THEO QUY TRÌNH



HỆ THỐNG KẾ TOÁN CHI PHÍ

Xác định
chi phí sản xuất
cho từng
đơn vị sản phẩm.

Chức năng
lập kế hoạch
và kiểm soát.

Hệ thống kế toán chi phí cung cấp các thông tin
giúp cho việc ra quyết định để đi đến thành công.

Đánh giá
tính hiệu quả
và hiệu lực
của các hoạt động.

Cung cấp
sản phẩm
hoặc dịch vụ
cho khách hàng

HỆ THỐNG KẾ TÓÁN CHI PHÍ

Đánh giá và
khen thưởng
đối với thành tích
làm việc của nhân
viên .

Trình bày
hàng tồn kho
và giá vốn
hàng bán

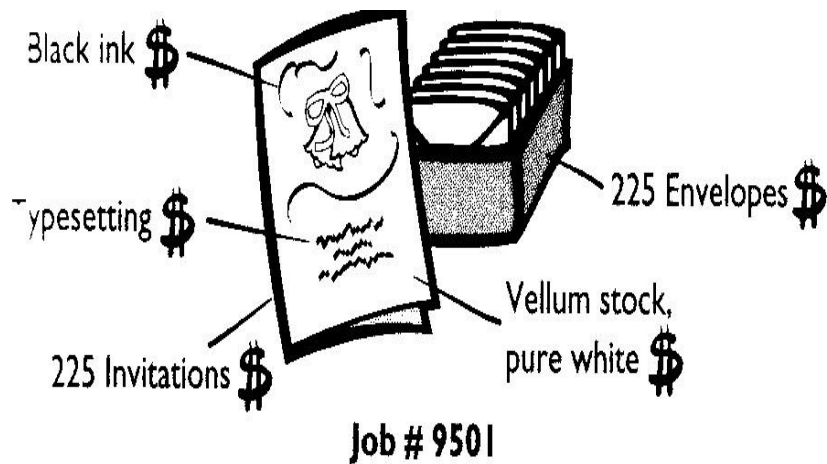
Hệ thống kế toán chi phí là các quy trình và kỹ thuật
được sử dụng bởi các nhà quản trị

Quản lý
việc tiêu thụ
các nguồn lực
của các hoạt động

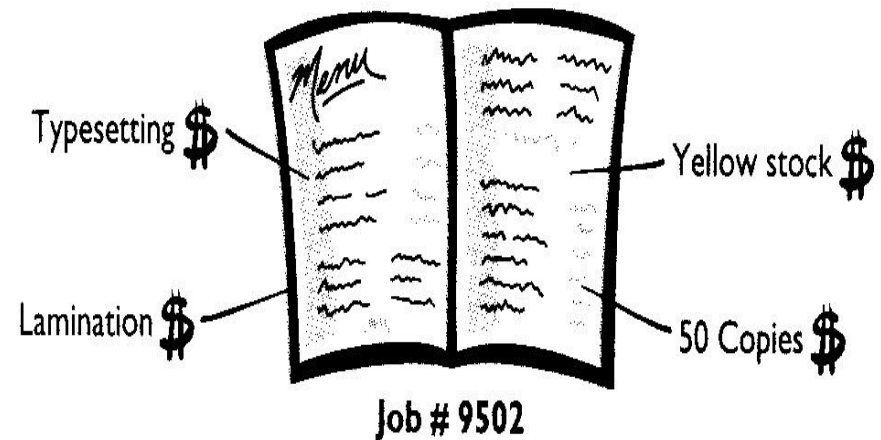
Theo dõi các
nguồn tài nguyên
tiêu thụ của các
sản phẩm và
dịch vụ

KẾ TÓÁN CHI PHÍ THEO CÔNG VIỆC

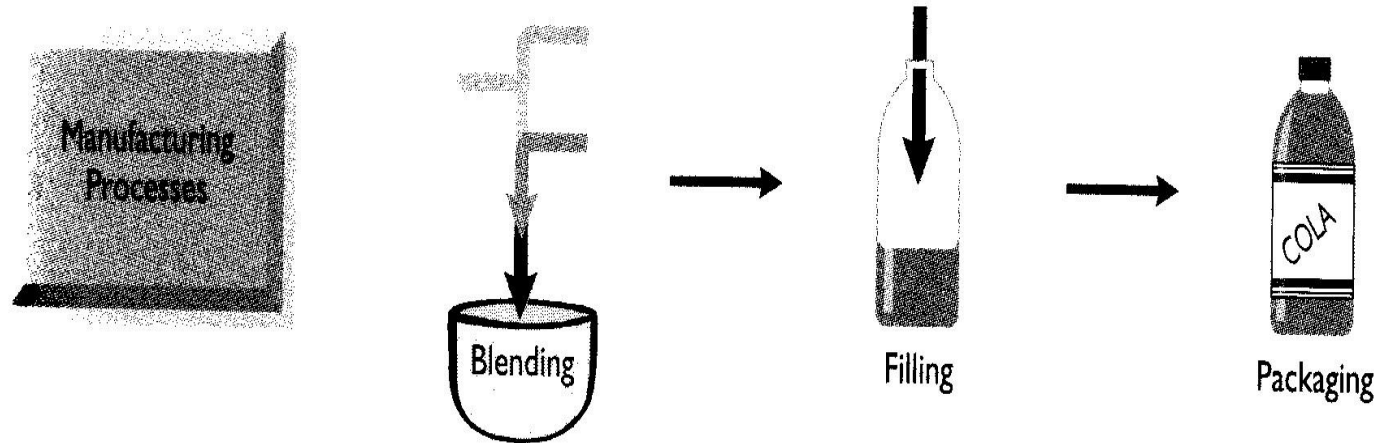
THIỆP CƯỚI



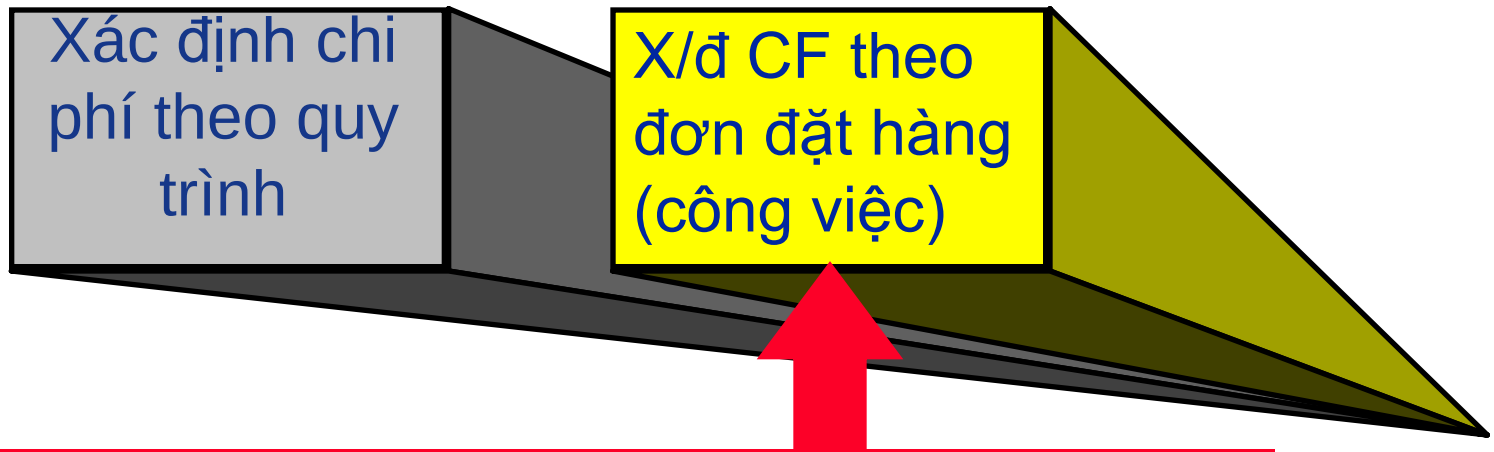
THỰC ĐƠN



KẾ TÓAN CHI PHÍ THEO QUY TRÌNH



CÁC QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ CƠ BẢN



- ★ Thường là sản xuất cho khoản mục lớn, đơn lẻ và chi phí cao.
- ★ Được xây dựng để sản xuất từng đơn đặt hàng không phải sản xuất hàng loạt.
- ★ Rất nhiều loại chi phí sẽ tập hợp trực tiếp cho từng công việc đó

CÁC QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ CƠ BẢN

Xác định chi
phí theo quy
trình

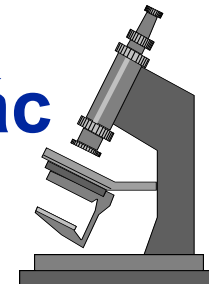
X/đ CF theo
từng đơn đặt
hàng

- Các trường hợp sử dụng tính giá theo đơn đặt hàng:

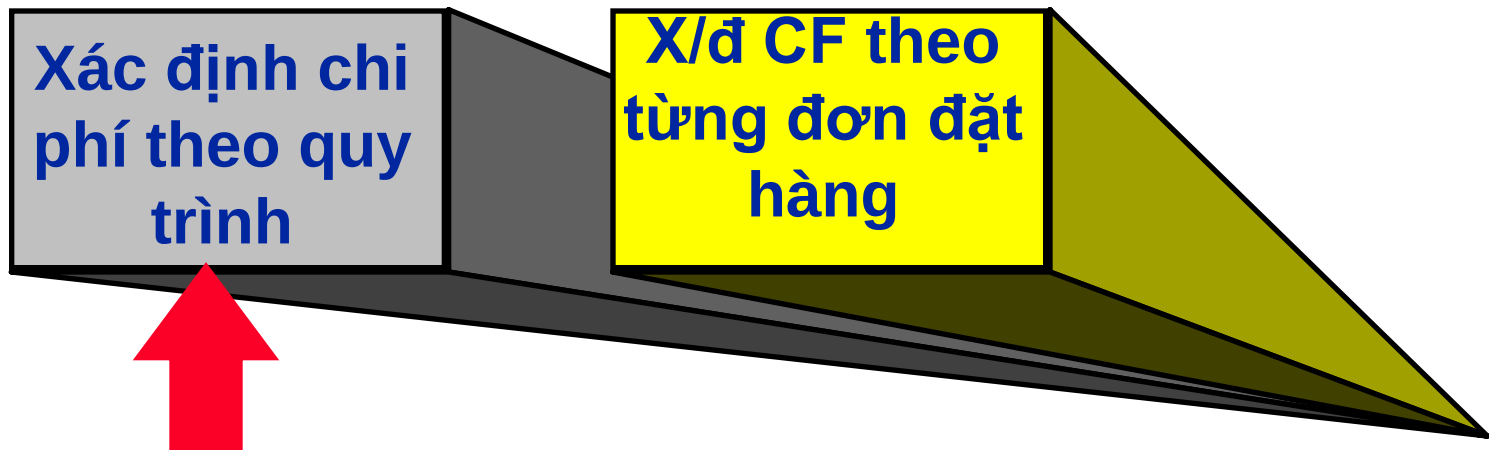
- ◆ Đơn đặt hàng in ấn đặc biệt
- ◆ Công trình xây dựng

- Cũng được sử dụng trong các ngành công nghiệp dịch vụ

- ◆ Bệnh viện
- ◆ Các hãng luật



CÁC QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ CƠ BẢN



- ★ Thường dùng trong quá trình sản xuất những khoản mục nhỏ, giá trị không lớn.
- ★ Quá trình sản xuất hàng loạt theo một quy trình tự động.
- ★ Các loại chi phí không tập hợp trực tiếp cho từng đơn vị sản phẩm.

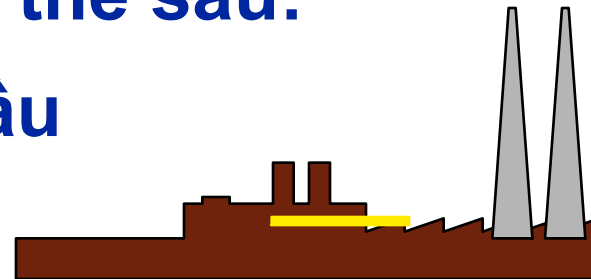
CÁC QUY TRÌNH KẾ TOÁN CHI PHÍ CƠ BẢN

Tính giá
thành theo
quy trình

Tính giá thành
theo từng đơn
đặt hàng

**Tính giá theo quy trình áp dụng
trong trường hợp cụ thể sau:**

- ❖ Nhà máy hóa dầu
- ❖ Nhà máy sơn
- ❖ Nhà máy giấy



KẾ TOÁN CHI PHÍ THEO CÔNG VIỆC (ĐƠN ĐẶT HÀNG)

Chi phí
NVL trực tiếp

Tính trực tiếp cho
từng công việc

Chi phí
NC trực tiếp

Tính trực tiếp cho
từng công việc

Công việc

Chi phí sản xuất
chung (OH)

Phân bổ cho
từng công việc
dựa vào hệ số
phân bổ (POHR)

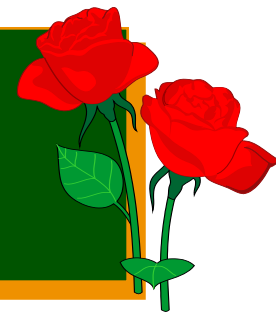
KẾ TOÁN CHI PHÍ THEO CÔNG VIỆC (ĐƠN ĐẶT HÀNG)



Các chi phí có liên quan đến mỗi đơn đặt hàng đều được ghi chép cẩn thận thông qua **phiếu chi phí công việc**.

Hãy kiểm tra xem!

PHIẾU CHI PHÍ CÔNG VIỆC



Phiếu chi phí công việc của Công ty Hòa phát

Mã công việc A - 143

Ngày bắt đầu 3-4-X9

Ngày hoàn thành _____

Bộ phận B3

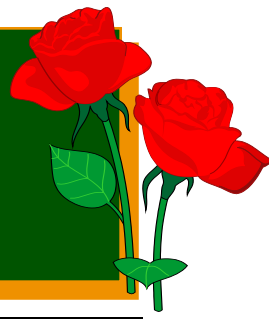
Số lượng đơn vị hoàn thành _____

Sản phẩm: Gỗ sần

NVL trực tiếp		NC trực tiếp			Chi phí sản xuất chung		
Số lượng	Giá trị	Phiếu	Giờ	Giá trị	Giờ	Hệ số	Giá trị

Bảng tổng hợp chi phí				Đã vận chuyển		
NVL trực tiếp				Ngày	Số lượng	Số dư
NC trực tiếp						
Sản xuất chung						
Tổng chi phí						
Chi phí từng đơn vị						

PHIẾU CHI PHÍ CÔNG VIỆC



Phiếu chi phí công việc của Công ty Hòa Phát

Mã công việc A - 143

Ngày bắt đầu 3-4-X9

Ngày hoàn thành _____

Bộ phận B3

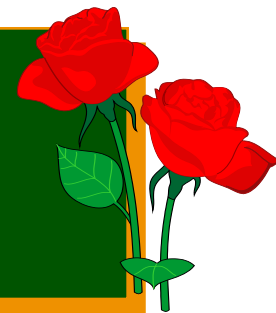
Số lượng đơn vị hoàn thành _____

Sản phẩm: Gỗ sà

NVL trực tiếp		NC trực tiếp			Chi phí sản xuất chung		
Số lượng	Giá trị	Phiếu	Số giờ	Giá trị	Giờ	Hệ số	Giá trị
X7-6890	\$116						

Bảng tổng hợp chi phí		Đã vận chuyển		
NVL trực tiếp		Ngày	Số lượng	Số dư
\$116				
NC trực tiếp				
Sản xuất chung				
Tổng chi phí				
Chi phí từng đơn vị				

PHIẾU CHI PHÍ CÔNG VIỆC



Phiếu chi phí công việc của Hòa Phát

Mã công việc A - 143

Ngày bắt đầu

Ngày hoàn thành

Bộ phận B3

Số lượng đơn vị

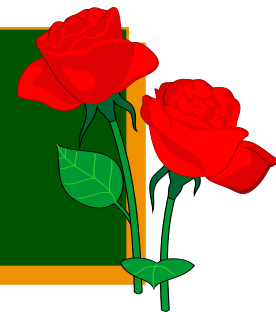
Sản phẩm: Gỗ sàn

NVL trực tiếp		NC trực tiếp			Chi phí
Số lượng	Giá trị	Phiếu	Số giờ	Giá trị	Giờ
X7-6890	116	36	8	88	

Bảng tổng hợp chi phí		Đ		
NVL trực tiếp	116	Ngày		
NC trực tiếp	88			
Sản xuất chung				
Tổng chi phí				
Chi phí từng đơn vị				

Tổng hợp chi phí nhân công bằng các bản ghi chép công việc, ví dụ như sử dụng các thẻ ghi thời gian, của mỗi công nhân.

PHIẾU CHI PHÍ CÔNG VIỆC



Phân bổ chi phí sản xuất chung cho các đơn hàng **theo hệ số phân bổ** được xác định trên **tiêu chí thời gian lao động trực tiếp**.

Item: wooden cargo crate

Chi phí trực tiếp		NC trực tiếp			Chi phí sản xuất chung		
Số lượng	Giá trị	Phiếu	Giờ	Giá trị	Giờ	Hệ số	Giá trị
X7-6890	\$ 116	36	8	\$ 88	8	\$ 4	\$ 32

Tổng hợp chi phí		Đã vận chuyển		
Chi phí trực tiếp	\$ 116	Ngày	Số lượng	Số dư
NC trực tiếp	\$ 88			
chi phí sản xuất chung	\$ 32			
Tổng chi phí	\$ 236			
Chi phí từng đơn vị	\$ 118			

Tính giá theo từng đơn đặt hàng

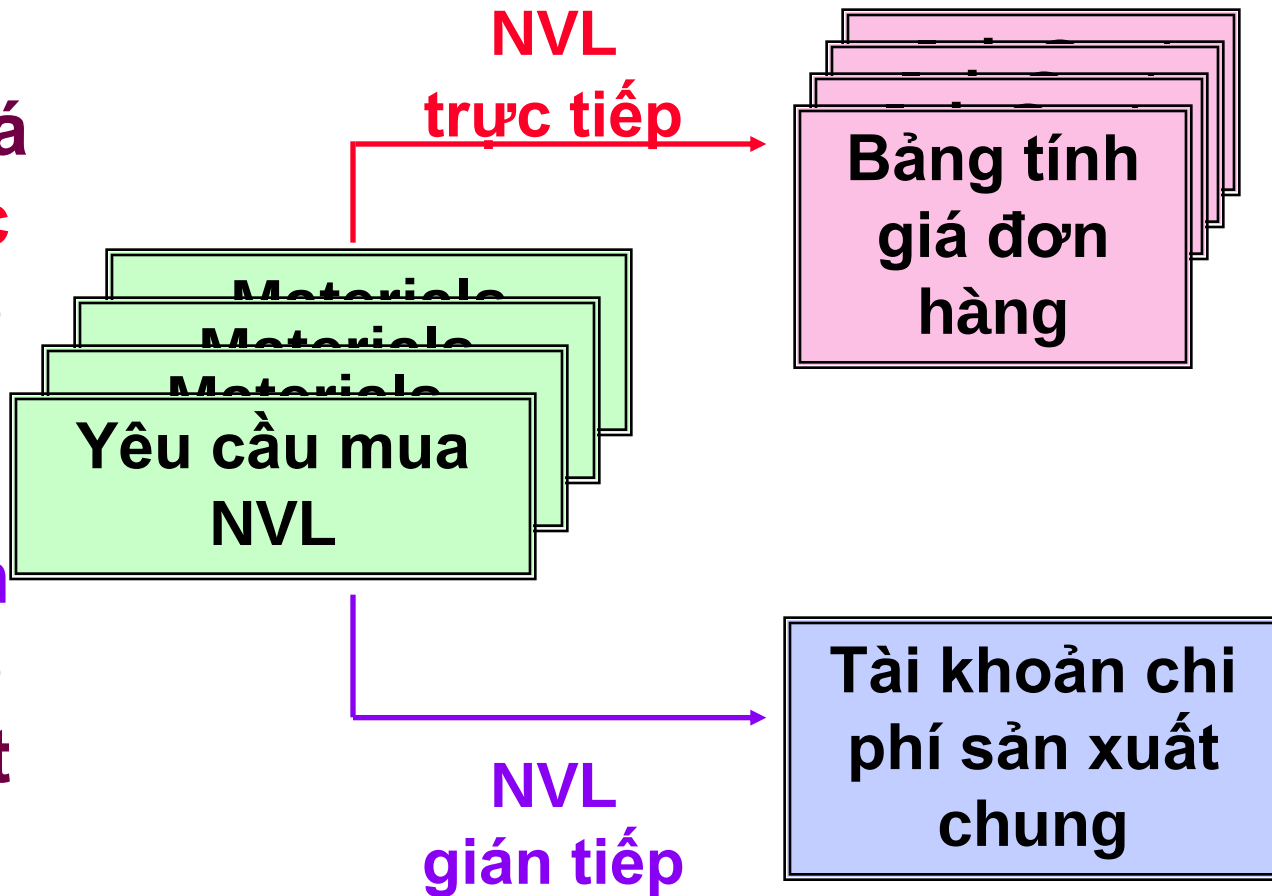
Document Flow Summary



Tính giá thành theo đơn đặt hàng

Document Flow Summary

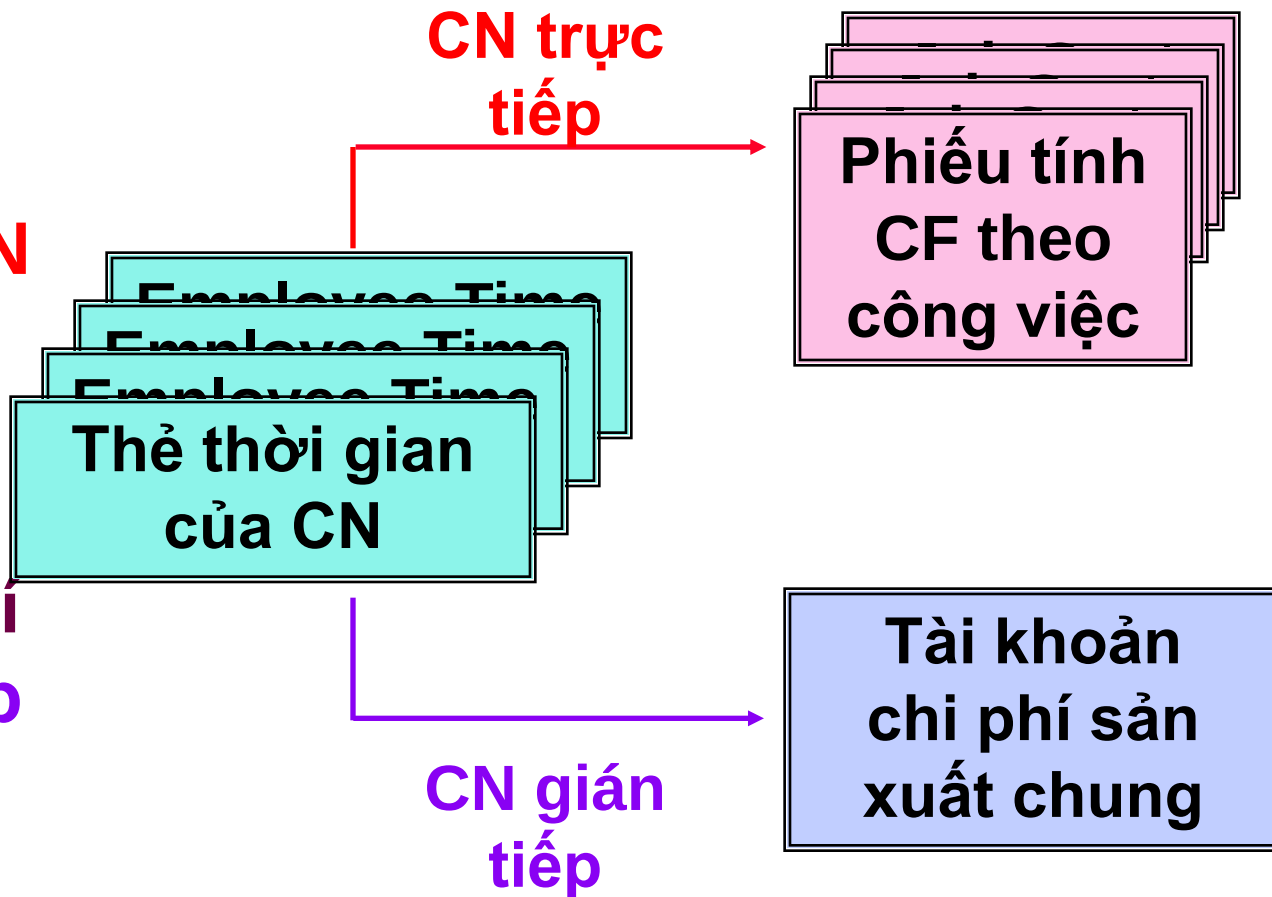
Yêu cầu mua NVL sẽ chỉ ra giá trị của **NVL trực tiếp** để tính vào giá trị của đơn hàng đó và giá trị của **NVL gián tiếp** để tính vào chi phí sản xuất chung.



Tính giá thành theo đơn đặt hàng

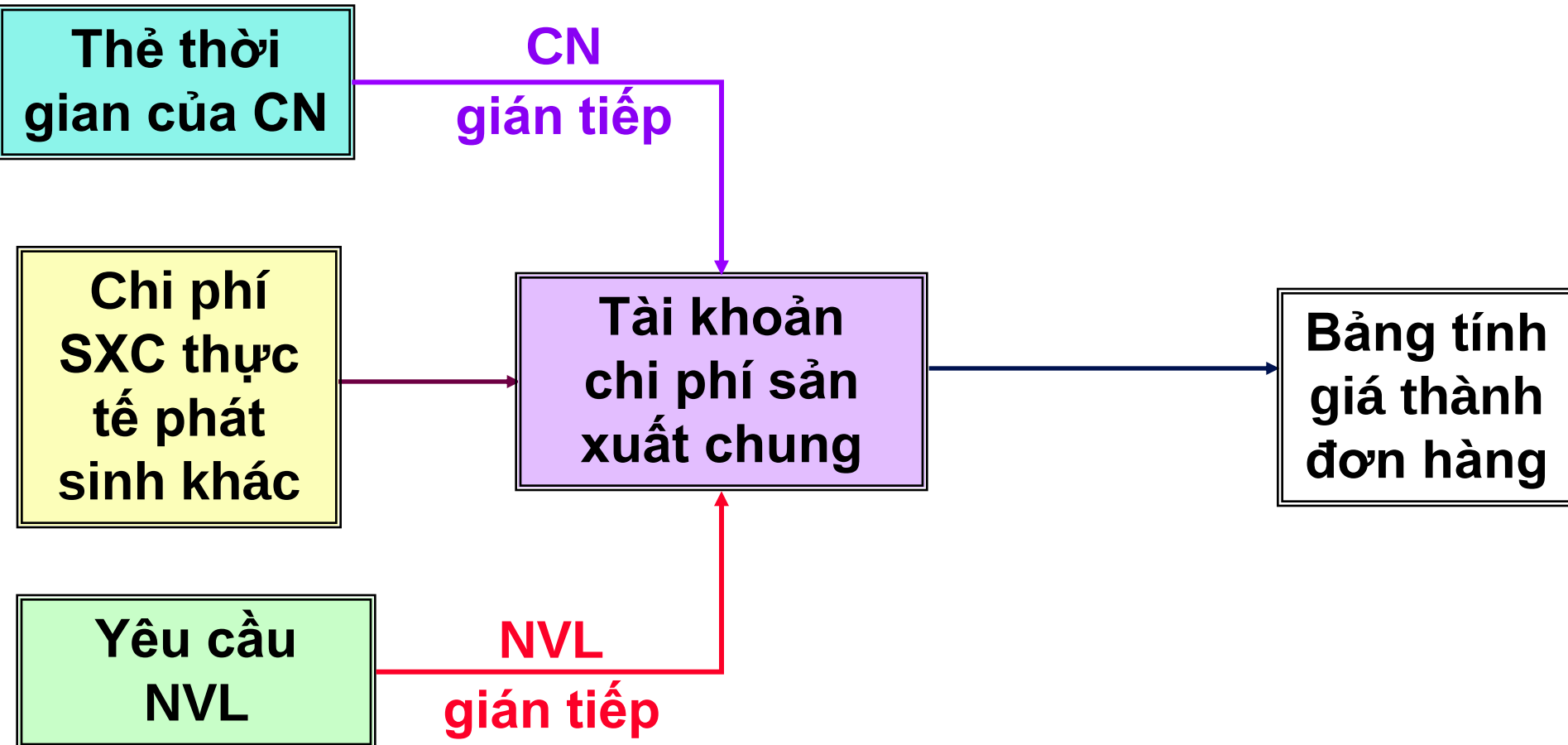
Document Flow Summary

Thẻ thời gian của công nhân sẽ cho biết đâu là chi phí của **CN trực tiếp** để tính cho các đơn hàng và đâu là chi phí của **CN gián tiếp** sẽ tính vào chi phí sản xuất chung.



Tính giá thành theo đơn đặt hàng

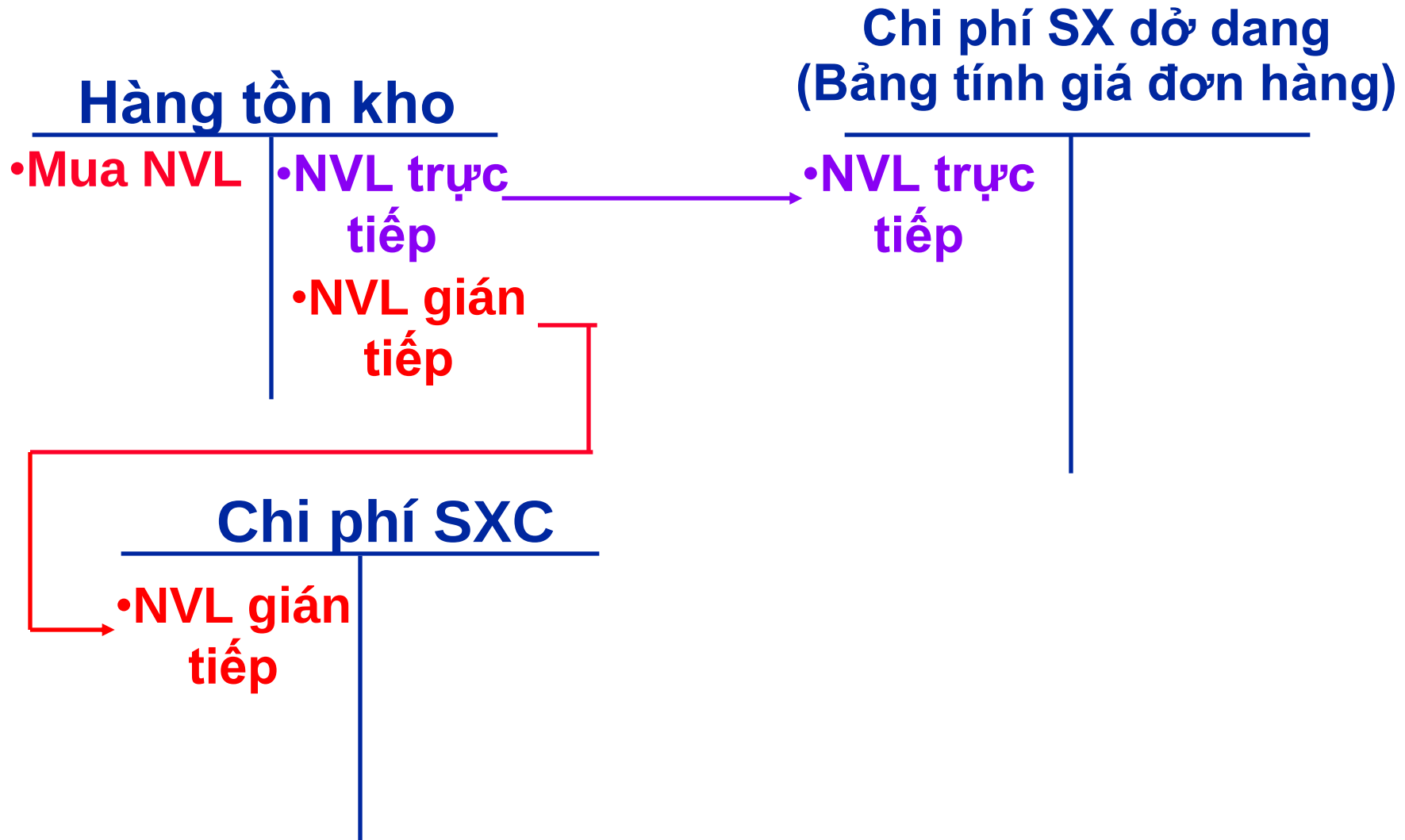
Document Flow Summary



Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng



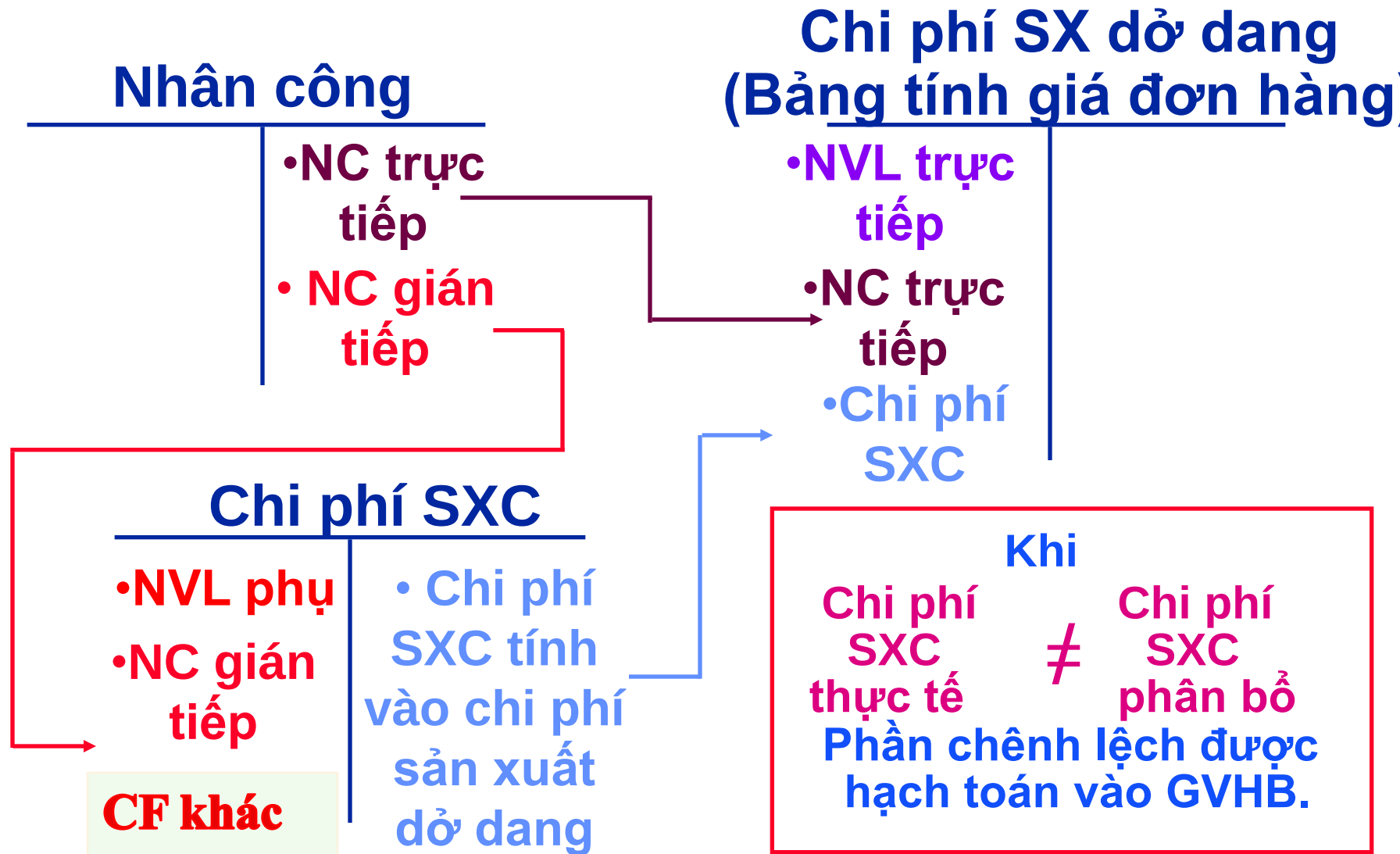
Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng



Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng



Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng



KẾT CHUYỂN CF PHÂN BỐ THỪA VÀ THIẾU

Nếu chi phí sản xuất chung...	Ảnh hưởng của việc phân bổ lên CF GV hàng bán
Dưới định mức (Chi phí SXC áp dụng nhỏ hơn chi phí thực tế PS)	Tăng giá vốn hàng bán
Trên định mức (Chi phí SXC áp dụng lớn hơn chi phí thực tế PS)	Giảm Giá vốn hàng bán

Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng



Các dòng chi phí trong tính giá theo đơn đặt hàng

Sản phẩm dở dang (bảng tính giá thành)

- NVL trực tiếp
- NC trực tiếp
- Chi phí SXC

• Giá thành sản xuất SP

• Giá thành sản xuất SP.

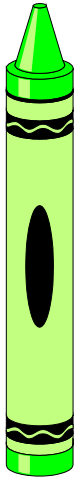
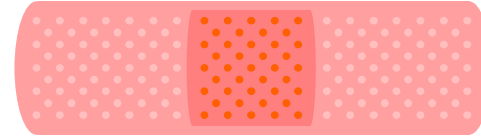
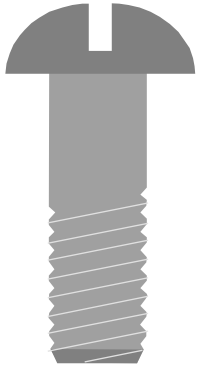
Thành phẩm

• Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán

• Giá vốn hàng bán

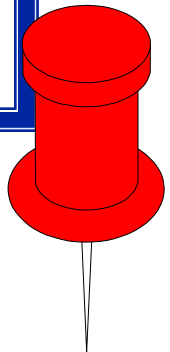
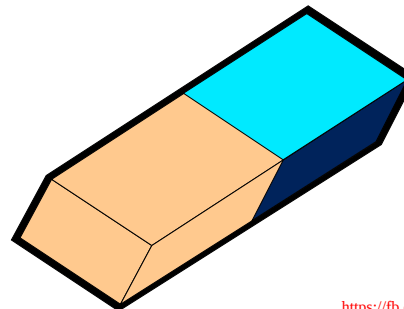
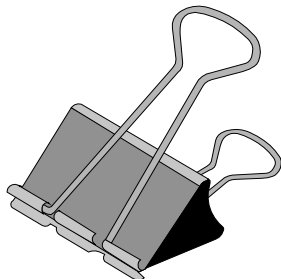
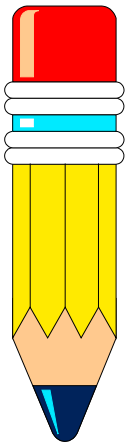
Tính giá theo quy trình sản xuất



- ★ Sử dụng trong quá trình sản xuất sản phẩm nhỏ, đơn chiếc, giá trị thấp

- ★ Sản xuất hàng loạt theo quy trình sản xuất tự động.

- ★ Các loại chi phí không tập hợp trực tiếp vào từng đơn vị sản phẩm.



So sánh tính giá theo đơn đặt hàng và theo quy trình sản xuất

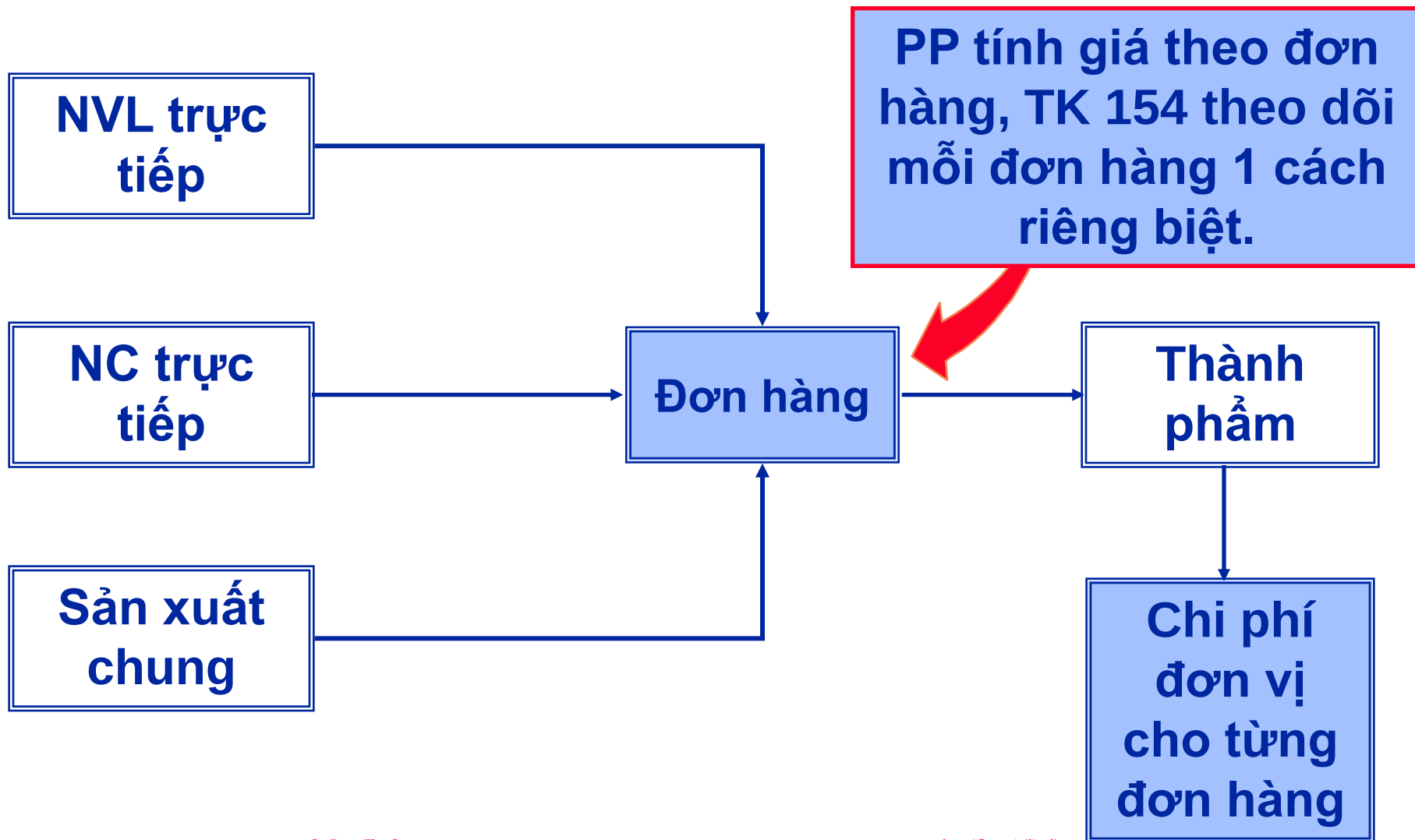
Tính giá theo đơn hàng

- Các đơn đặt hàng của khách.
- Các sản phẩm hỗn tạp
- Số lượng sản phẩm thấp
- Tính linh hoạt cao của sản phẩm
- Sự tiêu chuẩn hóa từ thấp đến trung bình

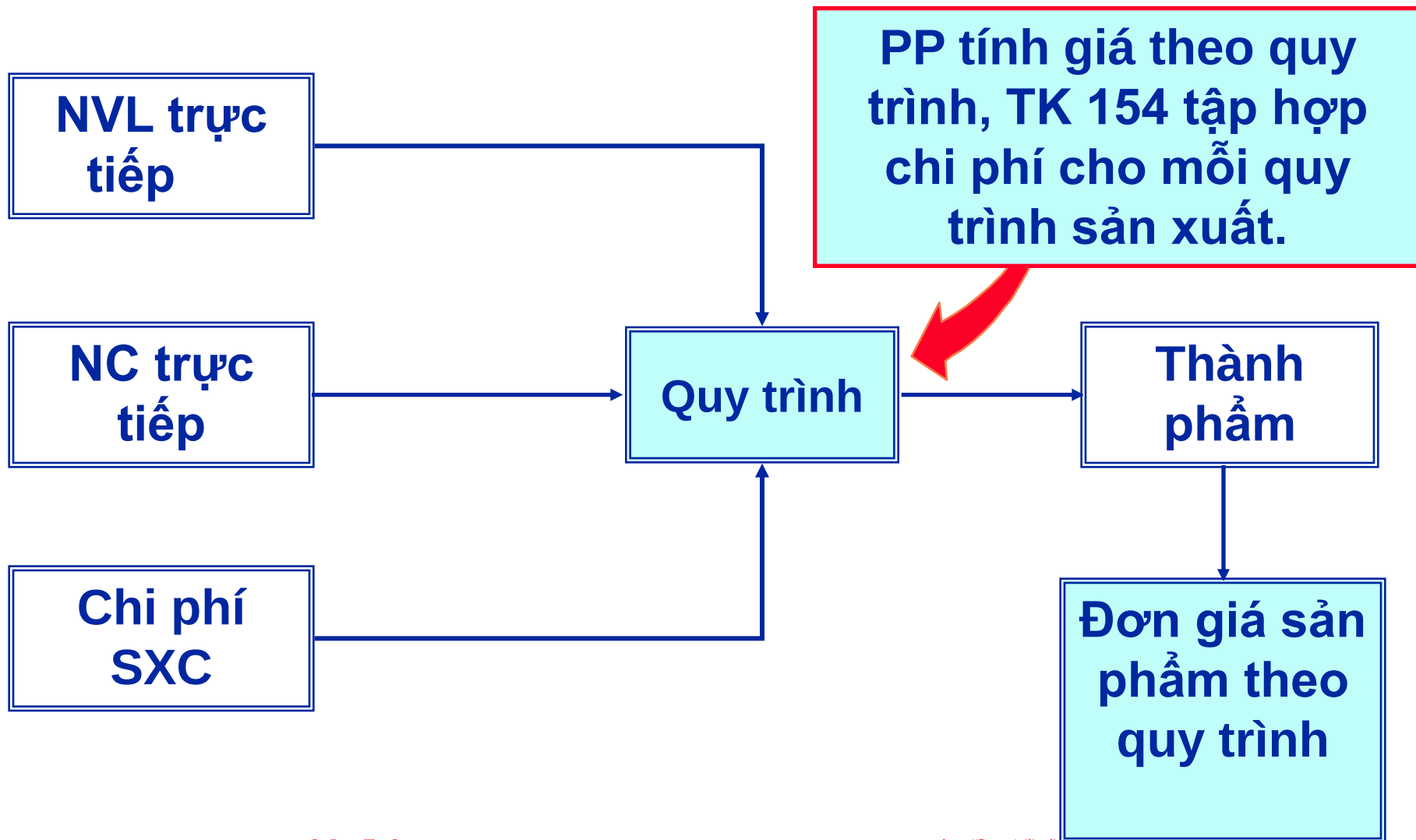
Tính giá theo quy trình SX

- Sản xuất theo dây chuyền
- Sản phẩm mang tính tương đồng
- Số lượng sản phẩm lớn
- Tính linh hoạt của sản phẩm thấp
- Sự tiêu chuẩn hóa cao

Tính giá theo đơn đặt hàng và theo quy trình sản xuất



Tính giá theo đơn đặt hàng và theo quy trình sản xuất



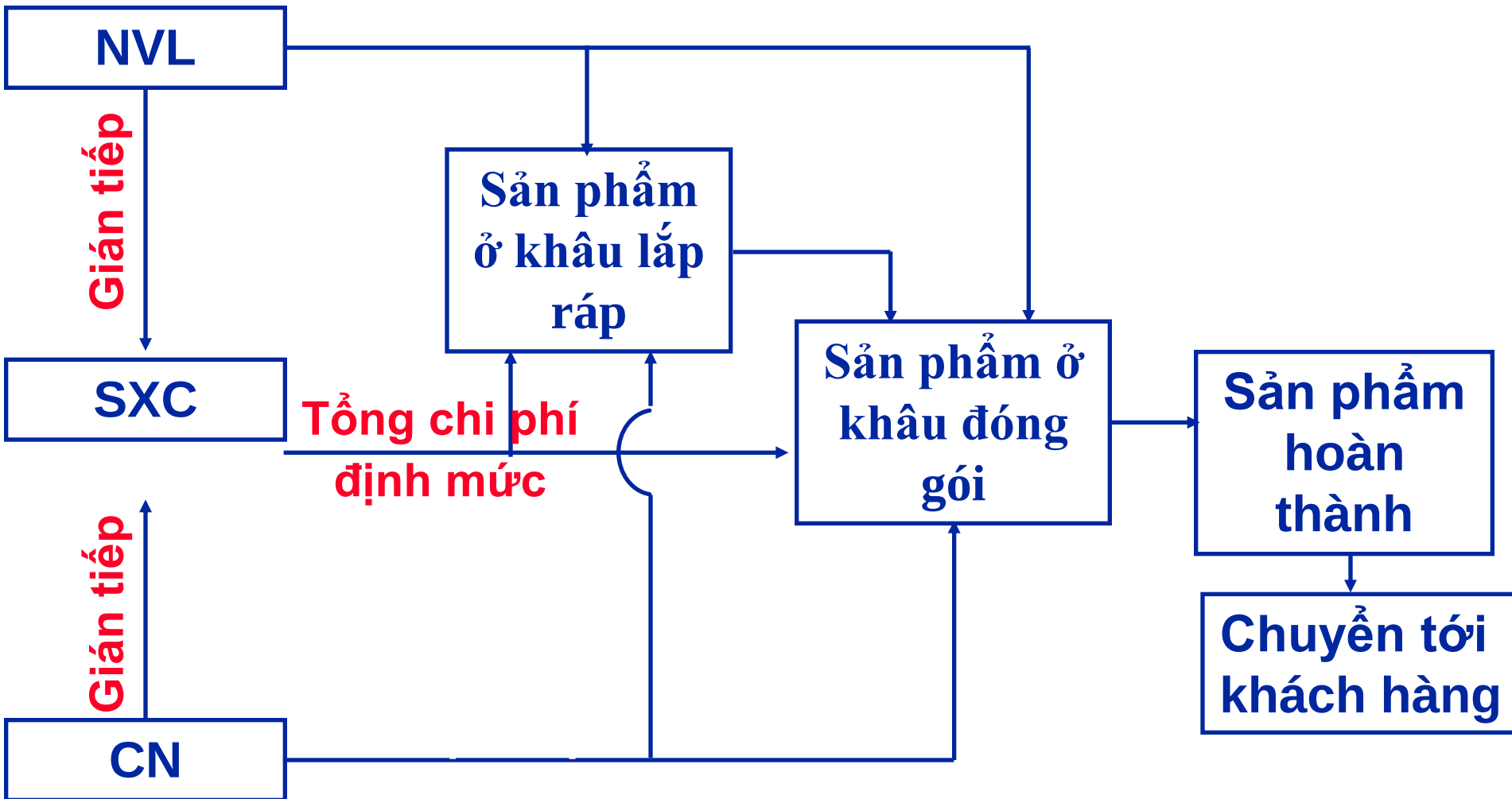
Điểm giống nhau giữa tính giá theo quy trình sản xuất và theo đơn đặt hàng

Cùng **mục đích**: xác định giá thành sản phẩm

Cùng **các tài khoản** : NVL, chi phí sản xuất dở dang, thành phẩm

Cùng **phương pháp phân bổ chi phí SXC**:
Hệ số phân bổ * hoạt động thực tế

Tài khoản chi phí sản xuất dở dang — Chìa khóa để tính giá theo quy trình SX



Tính đơn giá sản phẩm

Các loại chi phí được tập hợp cho một thời kỳ theo từng quy trình hoặc theo từng bộ phận.

Đơn giá sản phẩm sẽ được tính bằng cách chia tổng chi phí cho số sản phẩm sản xuất trong kỳ.



Tính đơn giá thành phẩm

Các chi phí được tích lũy trong thời gian một kỳ bởi quy trình SX hay bộ phận SX

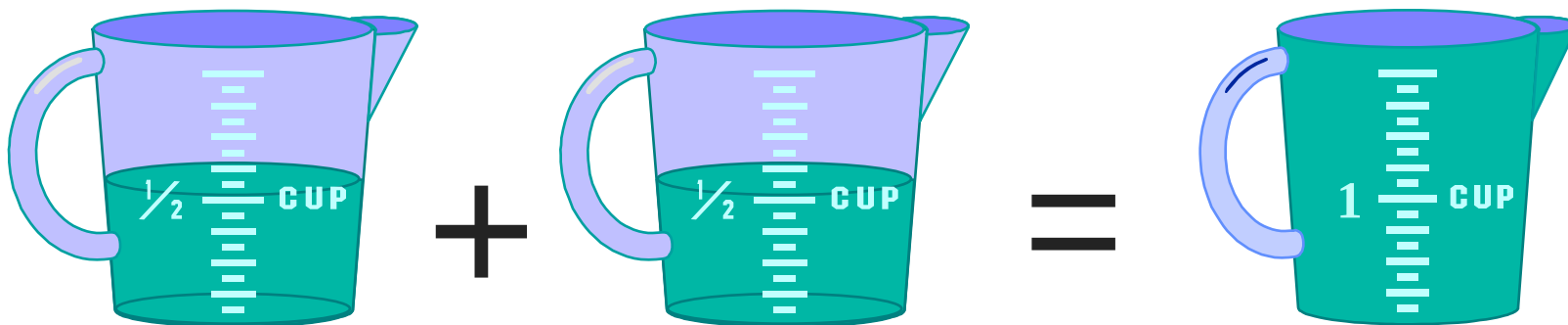
Chi phí một ĐVSP được tính bằng cách lấy các chi phí tích lũy trong kỳ chia cho số ĐVSP được sản xuất trong kỳ đó.

Đối với những SP vẫn còn trong quá trình sản xuất, phải sử dụng **sản phẩm hoàn thành tương đương để tính giá thành đơn vị SP**

Tính và sử dụng khối lượng hoàn thành tương trong sản xuất

Sản phẩm hoàn thành tương đương là một khái niệm nhằm quy đổi sản phẩm chưa hoàn thành thành một tỷ lệ của sản phẩm hoàn thành.

Hai bình đựng nửa nước thì tương đương với một bình đầy nước.





Câu hỏi

Trong kỳ, PencilCo ban đầu có 15,000 sản phẩm và hoàn thành 10,000 sản phẩm, còn 5,000 sản phẩm mới hoàn thành 30%. Tổng sản phẩm hoàn thành tương đương của công ty hoàn thành trong kỳ là bao nhiêu?

- a. 10,000**
- b. 11,500**
- c. 1,500**
- d. 15,000**



Câu hỏi

Trong kỳ, PencilCo ban đầu có 15,000 sản phẩm và hoàn thành 10,000 sản phẩm, còn 5,000 sản phẩm mới hoàn thành 30%. Tổng sản phẩm hoàn thành tương đương của công ty hoàn thành trong kỳ là bao nhiêu?

a. 10,000

b. 11,500

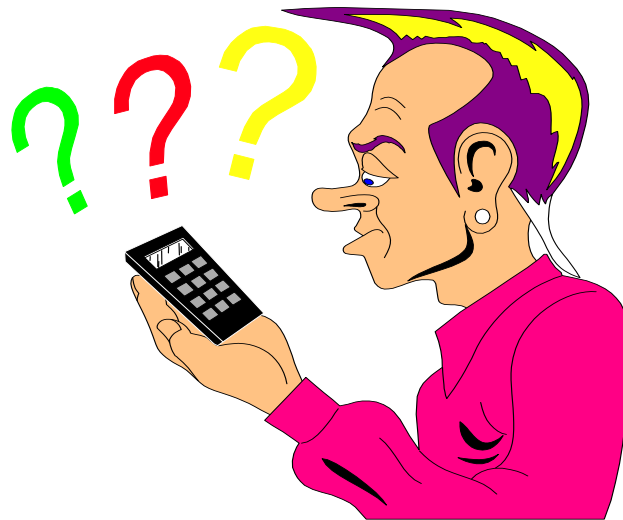
c. 1,500

d. 15,000

$$\begin{aligned} &10,000 \text{ SP} + (5,000 \text{ SP} \times .30) \\ &= 11,500 \text{ SP hoàn thành tương} \\ &\text{đương} \end{aligned}$$

Đơn giá của mỗi sản phẩm hoàn thành tương đương

$$\text{Đơn giá/ 1 SP hoàn thành tương đương} = \frac{\text{Chi phí sản xuất trong kỳ}}{\text{SP hoàn thành tương đương trong kỳ}}$$





Câu hỏi

Giả thiết PencilCo phát sinh chi phí sản xuất là \$27,600. Đơn giá trên một sản phẩm của công ty trong kỳ này là bao nhiêu?

- a. \$1.84**
- b. \$2.40**
- c. \$2.76**
- d. \$2.90**



Câu hỏi

Giả thiết PencilCo phát sinh chi phí sản xuất là \$27,600. Đơn giá trên một sản phẩm của công ty trong kỳ này là bao nhiêu?

a. \$1.84

b. \$2.40

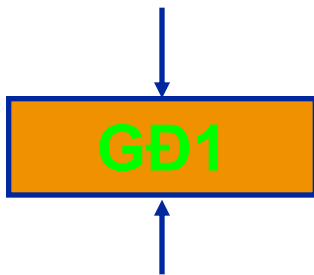
c. \$2.76

d. \$2.90

$\$27,600 \div 11,500 \text{ SP hoàn thành tương đương}$
 $= \$2.40 \text{ Cho một SP hoàn thành tương đương}$

Sản phẩm hoàn thành tương đương

40% NVL

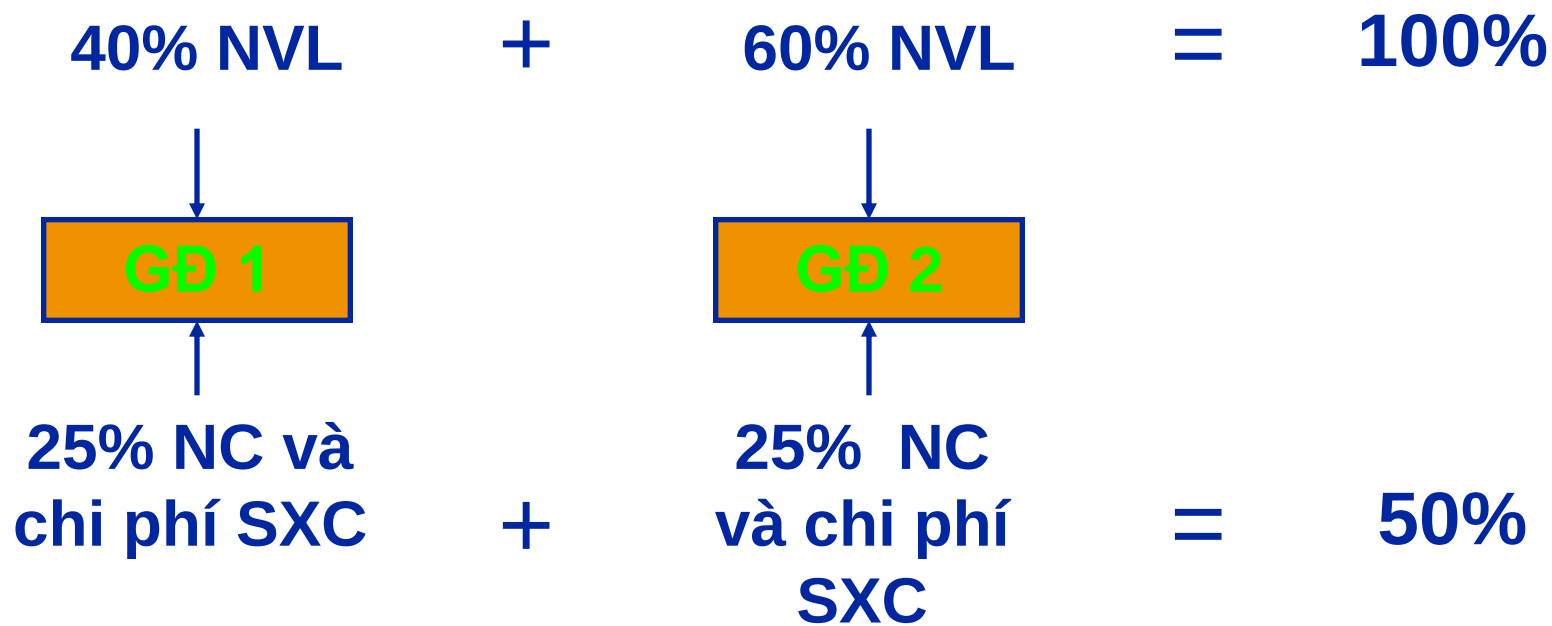


25% NC và chi
phí SXC

Tại những giai đoạn sản xuất, SP hoàn thành tương đương có thể khác nhau về mức độ hoàn thành của NVL, NC, chi phí SXC.

Khi kết thúc giai đoạn sản xuất thứ 1, NVL đã hoàn thành 40%, nhưng NC và chi phí SXC chỉ hoàn thành 25%.

Sản phẩm hoàn thành tương đương



Sản phẩm hoàn thành tương đương

40% NVL

60% NVL

Stage 1

Stage 2

GĐ 3

25% NC và chi
phí SXC

25% NC và chi
phí SXC

50% NC và
chi phí SXC

Quy trình sản xuất hoàn thành.

Tính giá theo quy trình sản xuất và sản phẩm hoàn thành tương đương



Tính giá theo quy trình sản xuất và sản phẩm hoàn thành tương đương

Dữ liệu của bộ phận sản xuất tháng 4/2002

Hàng tồn kho đầu kỳ

Số lượng sản phẩm	30,000
% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	40%
% hoàn thành - chi phí SXC	40%

Số sản phẩm bắt đầu đưa vào sản xuất trong T4 90,000

Số sản phẩm được chuyển từ giai đoạn nghiền sang trộn 100,000

Hàng tồn kho cuối kỳ

Số lượng sản phẩm	20,000
% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	25%
% hoàn thành - chi phí SXC	25%

Tính giá theo quy trình sản xuất và sản phẩm hoàn thành tương đương

Dữ liệu của bộ phận sản xuất tháng 4/2002

Hàng tồn kho đầu kỳ

Số lượng sản phẩm	30,000
% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	40%
% hoàn thành - chi phí SXC	40%

Số sản phẩm bắt đầu đưa vào sản xuất trong T4 90,000

Số sản phẩm hoàn thành sang trộn 100,000

Hàng tồn kho cuối kỳ 20,000

NVL được đưa ngay vào đầu quy trình sản xuất nên nó luôn là 100% hoàn thành.

% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	25%
% hoàn thành - chi phí SXC	25%

Tính giá theo quy trình sản xuất và sản phẩm hoàn thành tương đương

Dữ liệu của bộ phận sản xuất tháng 4/2002

Hàng tồn kho đầu kỳ

Số lượng sản phẩm	30,000
% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	40%
% hoàn thành - chi phí SXC	40%

Chi phí SXC được phân bổ trên tiêu chí lao động, nên có cùng tỷ lệ % hoàn thành.

% hoàn thành - NVL trực tiếp	100%
% hoàn thành - NC trực tiếp	25%
% hoàn thành - chi phí SXC	25%

T4 90,000
ên sang trộn 100,000

Luồng vật chất của các sản phẩm

Luồng vật chất của bộ phận sản xuất tháng 4

Số sản phẩm được tính gồm

HTK đầu kỳ	30,000
------------	--------

Tăng trong tháng 4	90,000
--------------------	--------

Tổng số lượng sản phẩm	120,000
-------------------------------	----------------

Sử dụng sản phẩm cho

Hoàn thành và chuyển sang công đoạn Trộn	100,000
--	---------

Tồn cuối kỳ	20,000
-------------	--------

Tổng số lượng sản phẩm	120,000
-------------------------------	----------------

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Bộ phận sản xuất

Sản phẩm HT tương đương theo **NVL chính** - Tháng 4/2002

	Số lượng SP	Tỷ lệ % tăng thêm trong kỳ	SP HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	0%	0
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	100%	70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000	100%	20,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000		90,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Do NVL được đưa vào toàn bộ ngay tại thời điểm đầu của quá trình sản xuất, vì vậy sẽ không phải đưa thêm trong quá trình sản xuất.

Bộ phận sản xuất

Sản phẩm HT tương đương theo **NVL chính** - Tháng 4/2002

	Số lượng SP	Tỷ lệ % tăng thêm trong kỳ	SP HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	0%	0
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	100%	70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000	100%	20,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000		90,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

100,000 SP được hoàn thành và chuyển sang bộ phận khác.

Bộ phận sản xuất

Sản phẩm HT tương đương theo **NVL chính** - Tháng 4/2002

	Số lượng sản phẩm	Tỉ lệ % tăng thêm trong kỳ	SP HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	0%	0
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	100%	70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000	100%	20,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000		90,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Bộ phận sản xuất- Sản phẩm hoàn thành tương đương theo **NC trực tiếp và chi phí SXC - Tháng 4/ 2002**

	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ % tăng thêm trong kỳ	Sản phẩm HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	60%	18,000
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	100%	70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000	25%	5,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000		93,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Do HTK lúc đầu đã hoàn thành 40% chi phí NC trực tiếp và SXC, 60% công việc sẽ phải được hoàn thành vào tháng 4.

Bộ phận sản xuất- Sản phẩm hoàn thành tương đương theo **NC trực tiếp và chi phí SXC** - Tháng 4/ 2002

	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ % tăng thêm trong kỳ	Sản phẩm HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	60%	18,000
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	100%	70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000	25%	5,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000		93,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Bộ phận sản xuất- Sản phẩm hoàn thành tương đương theo **NC trực tiếp và chi phí SXC - Tháng 4/ 2002**

	Số lượng sản phẩm	Tỷ lệ % tăng thêm trong kỳ	Sản phẩm HTTĐ
Sản phẩm dở dang đầu kỳ	30,000	100,000 hoàn thành	18,000
SP đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000		70,000
Sản phẩm dở dang cuối kỳ	20,000		5,000
Tổng số lượng sản phẩm	120,000	25%	93,000

Sự tính toán SP hoàn thành tương đương

Bảng tổng hợp bộ phận sản xuất Sản phẩm hoàn thành tương đương - Tháng 4/ 2002

Các hoạt động trong T4/2002	NVL trực tiếp	NC trực tiếp	Tổng chi phí SXC
SPHTTĐ của sản phẩm dở dang đầu kỳ	0	18,000	18,000
SPHTTĐ của sản phẩm đưa vào và hoàn thành trong kỳ	70,000	70,000	70,000
SPHTTĐ của sản phẩm đưa vào và dở dang cuối kỳ	20,000	5,000	5,000
Sô lượng sản phẩm hoàn thành tương đương trong kỳ	90,000	93,000	93,000

Tính giá theo quy trình SX và các SP hoàn thành tương đương

Bộ phận sản xuất

Chi phí sản xuất dở dang trong tháng 4

Chi phí SX dở dang đầu kỳ	\$ 22,380
Chi phí phát sinh trong kỳ	
NVL chính	45,000
NC trực tiếp	11,160
SXC	44,640
Tổng chi phí phát sinh trong kỳ	<u>\$ 123,180</u>

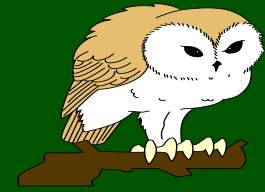
Chi phí cho một SP hoàn thành tương đương

Bộ phận sản xuất

Chi phí cho một SP hoàn thành tương đương-Tháng 4/2002

	NVL chính	NC chính	SXC
Tổng chi phí sản xuất trong tháng 4	\$ 45,000	\$ 11,160	\$ 44,640
Số lượng SP hoàn thành tương đương trong tháng 4	÷ 90,000	÷ 93,000	÷ 93,000
Đơn giá/1 SP hoàn thành tương đương trong tháng 4	= \$ 0.50	= \$ 0.12	= \$ 0.48

Đổi chiều chi phí

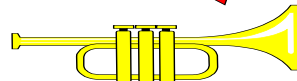


Tính toán tất cả các chi phí phải chịu bằng cách ấn định các chi phí SP cho:

A. 100,000 SP đã hoàn thành và chuyển giao.

B. 20,000 SP dở dang còn lại.

IMPORTANT!



Bộ phận sản xuất

Tổng hợp chi phí công đoạn gia công sản xuất - Tháng 4/2002

Chi phí cho sản phẩm hoàn thành

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

Số dư ngày 1/4

\$ 22,380

Chi phí phát sinh để hoàn thành số lượng SP này

NVL trực tiếp

NC trực tiếp

SXC

Chi phí bắt đầu và đã hoàn thành trong kỳ

Tổng SP hoàn thành và chuyển giai đoạn khác

Chi phí sản phẩm dở dang trong kỳ

NVL trực tiếp

NC trực tiếp

SXC

Tổng chi phí được tính là

Bộ phận sản xuất

Tổng hợp chi phí công đoạn gia công sản xuất - Tháng 4/2002

Chi phí cho sản phẩm hoàn thành

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

Số dư ngày 1/4 \$ 22,380

Chi phí phát sinh để hoàn thành số lượng SP này

NVL trực tiếp \$ 0

NC trực tiếp (18,000 x \$0.12) 2,160

SXC (18,000 x \$0.48) 8,640 10,800

Chi phí bắt đầu và đã hoàn thành trong kỳ

Tổng SP hoàn thành và chuyển giai đoạn khác

Chi phí sản phẩm dở dang trong kỳ

NVL trực tiếp

NC trực tiếp

SXC

Tổng chi phí được tính là

Bộ phận sản xuất

Tổng hợp chi phí công đoạn gia công sản xuất - Tháng 4/2002

Chi phí cho sản phẩm hoàn thành

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

Số dư ngày 1/4 \$ 22,380

Chi phí phát sinh để hoàn thành số lượng sản phẩm này

NVL chính	\$ 0	
NC trực tiếp $(18,000 \times \$0.12)$	2,160	
SXC $(18,000 \times \$0.48)$	8,640	10,800

Chi phí bắt đầu và đã hoàn thành $(70,000 \times \$1.10)$ 77,000

Tổng SP HT & chuyển giai đoạn khác $(100,000 \text{ SP})$ \$ 110,180

Chi phí sản phẩm dở dang trong kỳ $\$0.12 + \$0.48 + \$0.50 = \1.10

NVL chính

NC trực tiếp

SXC

Tổng chi phí được tính là

Bộ phận sản xuất

Tổng hợp chi phí công đoạn gia công sản xuất - Tháng 4/2002

Chi phí cho sản phẩm hoàn thành

Chi phí sản xuất dở dang đầu kỳ

Số dư ngày 1/4 \$ 22,380

Chi phí phát sinh để hoàn thành số lượng sản phẩm này

NVL chính	\$	0	
NC trực tiếp $(18,000 \times \$0.12)$		2,160	
SXC $(18,000 \times \$0.48)$		8,640	10,800

Chi phí bắt đầu và đã hoàn thành $(70,000 \times \$1.10)$			77,000

Tổng SP HT & chuyển giai đoạn khác $(100,000 \text{ SP})$			\$ 110,180
---	--	--	------------

Chi phí sản phẩm dở dang trong kỳ

NVL chính $(20,000 \times \$0.50)$	\$	10,000	
NC trực tiếp $(5,000 \times \$0.12)$		600	
SXC $(5,000 \times \$0.48)$		2,400	13,000

Tổng chi phí được tính là			<u><u>\$ 123,180</u></u>
---------------------------	--	--	--------------------------

HẾT CHƯƠNG 03

